

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 5 năm 2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Hồng Thức
- Ông Lương Văn Tượng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tr, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn NC, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn NC, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12/12/2022, được bổ sung trong bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2000, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến ngày 26/4/2002, vợ chồng thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã ĐL cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 26/4/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L có mối

quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Mặc dù vẫn chung sống một nhà nhưng không ai quan tâm ai, không có quan hệ gì. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con: Chị và anh Lê Văn L có 02 con chung là cháu Lê Văn A, sinh ngày 02/6/2001 và cháu Lê Văn Q, sinh ngày 03/10/2004. Hiện nay cháu A và cháu Q đã trên 18 tuổi, có việc làm và thu nhập tự nuôi sống bản thân, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Phạm Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn là chị Phạm Thị Tr có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh L tham gia phiên hòa giải và triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh L đều vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn là chị Phạm Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Phạm Thị Tr, Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 26/4/2002 do UBND xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp và xác nhận của UBND xã ĐL, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Tr và anh Lê Văn L là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Tr, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội

dung đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Tr đều có nguyện vọng được ly hôn anh L.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Căn cứ lời trình bày của chị Tr phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi các đương sự cư trú thì giữa chị Tr và anh L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự tin tưởng về lòng chung thủy dẫn đến cãi vã, chửi bới nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã khuyên bảo, động viên nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh L; anh L không đến Tòa án tham gia hòa giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh L không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Tr, quyết định cho chị Tr được ly hôn anh L.

[5] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Phạm Thị Tr và bản sao Giấy khai sinh cháu A, cháu Q đủ cơ sở xác định: Cháu Lê Văn A, sinh ngày 02/06/2001 và cháu Lê Văn Q, sinh ngày 03/10/2004 là con chung của chị Tr và anh L. Đến nay, cháu A và cháu Q đã trên 18 tuổi, có việc làm và thu nhập để nuôi sống bản thân, chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản: Chị Phạm Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Tr là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tr được ly hôn anh Lê Văn L.

Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2021/0015740 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Phạm Thị Tr, bị đơn Lê Văn L. Chị Tr và anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA